

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/DS-ST

Ngày: 27-01-2026

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn B1.

2. Ông Nguyễn Văn Th.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 8 - T.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - T xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 229/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số C, ấp B, xã B, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số E, Ấp B, xã M, tỉnh T.

Bà K có mặt.

Bà H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị K trình bày:

Trước đây, bà Nguyễn Thị H có vay của bà Nguyễn Thị K hai lần, mỗi lần 15.000.000 (mười lăm triệu đồng) vào ngày 10/8/2023 và ngày 15/9/2023, có viết biên nhận, tổng số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Hai bên có thỏa thuận

miệng thời hạn 06 tháng trả nợ. Một thời gian sau thì bà K biết được thông tin bà H vi phạm pháp luật phải chấp hành án phạt tù nên chưa thể trả. Tuy nhiên, đến nay bà H đã chấp hành xong và ra tù về địa phương nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà K, cố tình trốn tránh không gặp mặt, mặc dù bà K đã có thiện chí hẹn gặp như điện thoại liên lạc, nhắn tin nhờ người nhà chuyển lời... nhưng đến nay bà Nguyễn Thị H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà K.

Nay bà Nguyễn Thị K yêu cầu bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả lại cho bà K số tiền nợ vay gốc 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Nguyễn Thị H vắng mặt, không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà K trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý công khai bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Bà Nguyễn Thị Hồng cư T tại ấp B, xã M, tỉnh T. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt những người tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H đã được cấp, tổng đạt đầy đủ các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà H.

[3]. Về yêu cầu trả nợ gốc:

[3.1]. Bà Nguyễn Thị K khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 02 (hai) Biên nhận có đầy đủ chữ ký của bà H thể hiện bà Nguyễn Thị K có cho bà H vay tiền 02 (hai) lần, cụ thể: Vào ngày 10/8/2023, bà K cho bà H vay 15.000.000 đồng và ngày 15/9/2023, bà K cho bà H vay 15.000.000 đồng, tổng số là 30.000.000 đồng.

[3.2]. Bà Nguyễn Thị K xác định lúc cho vay có nói về lãi. Bà H vắng mặt, không có ý kiến phản đối. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của bà K thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện vay có lãi trong khi trên hai biên nhận nợ đều không có

thể hiện vay có lãi nên căn cứ Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự xác định bà H có xác lập với bà K hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Bà H không trả nợ đúng hạn nên yêu cầu khởi kiện của bà K về số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4]. *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5]. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà K là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, không phải nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị K đối với bà Nguyễn Thị H. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền gốc 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà K là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí, không phải nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả.

3.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

4. Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND khu vực 8 - T;
- P.THADS khu vực 8 - T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L